

Bản án số: 150 /2019/HS- PT

Ngày: 10-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Khánh Hồng

Các thẩm phán: 1. Ông Đặng Minh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Lan Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Lưu Thái Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 121/2019/TLPT-HS ngày 05/9/2019 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 100/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Trịnh Văn H; Tên gọi khác: T, sinh năm 1981 tại Hà Nội; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn AL, xã VT, huyện TT, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Khắc H1 và bà Trịnh Thị L. Bị cáo có 02 anh em, H là con thứ nhất. Có vợ là: Đồng Thị H2 Yển, vợ chồng có 02 con chung cùng sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 21 ngày 27/9/2000, TAND huyện Thường Tín, Hà Nội xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “Cướp giật tài sản của công dân” theo Điều 154 BLHS năm 1985; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

2. Bị cáo Nguyễn Thị L; (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1981 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: TDP TX, phường PC, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L1 và bà Đỗ Thị T (đã chết); bị cáo có 05 chị em, L là con thứ nhất; có chồng là: Trần Văn Th, có 02 con chung, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

3. Bị cáo **Trần Thị Nh**; Tên gọi khác: Không, sinh năm 1988 tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn AT, xã HH, huyện VB, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Nhân viên; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Triệu Thị Y; bị cáo có 02 chị em, Nh là con thứ hai; có chồng là: Trần Văn Ng (hiện đã ly hôn), có 02 con chung: lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

4. Bị cáo **Ngô Văn Kh**; Tên gọi khác: (Ngô Văn Th), sinh năm 1984 tại tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn CT, xã VH, huyện KT, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Xuân D1 và bà Nguyễn Thị D. Bị cáo có 05 anh chị em, Kh là con thứ năm; có vợ là: Phạm Thị M (đã ly hôn) có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 17 ngày 22/5/2015, bị TAND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

5. Bị cáo **Vũ Văn K**; sinh ngày: 06/10/1978 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm H, xã HT, thị xã PY, Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo có 02 anh em, K là con thứ nhất; có vợ là: Dương Thị M; có 04 con chung, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

6. Bị cáo **Mai Quang H3**; sinh ngày: 20/02/1988 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu ĐT, xã HL, huyện CK, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Quang H4 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có 04 chị em, H3 là con thứ ba; có vợ là: Nguyễn Thị T; có 02 con chung, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Công V, Nguyễn Văn Ng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 ngày 25/01/2019, tổ công tác của công an thị xã Phổ Yên làm nhiệm vụ tại khu vực tổ dân phố AB, phường ĐT, thị xã PY, Thái Nguyên, phát hiện tại quán Bi-a KN, thuộc tổ dân phố AB, phường ĐT, thị xã PY có các đối tượng tham gia đánh bạc cá cược dưới hình thức được thua bằng tiền trên máy chơi trò chơi điện tử bóng xanh - đỏ - vàng gồm: Trần Thị Nh (là người trực tiếp quản lý máy chơi), Ngô Văn Kh (tức Thông), Mai Quang H3, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Công V, Nguyễn Văn C và Vũ Văn K. Vật chứng thu giữ gồm: 8.000.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trong đó có 700.000 đồng thu giữ của Nguyễn Công V và 7.300.000 đồng thu giữ của Trần Thị Nh), 01 máy trò chơi điện tử bóng xanh - đỏ - vàng, 01 chip điện tử (dùng để cấp điểm, trừ điểm của người chơi) và 02 quyển sổ ghi chép của Trần Thị Nh.

Tại quá trình điều tra các đối tượng bị bắt khai nhận: Khoảng tháng 12/2018, Trịnh Văn H (tên gọi khác là Tuấn Hà Nội) gặp Nguyễn Thị L đặt vấn đề thuê địa điểm để đặt máy đánh bạc dưới hình thức trò chơi điện tử bóng xanh - đỏ - vàng, tại quán Bi-a KN do Nguyễn Thị L làm chủ. Quá trình bàn bạc H và L thống nhất với nhau H sẽ thuê địa điểm đặt máy đánh bạc tại quán của L với giá năm triệu đồng/một tháng và cho L góp và hưởng 15% cổ phần vào quá trình hoạt động của máy. Sau khi thỏa thuận xong, H mang máy đến quán bi-a KN đặt và thuê Trần Thị Nh làm người quản lý hoạt động đánh bạc trên máy điện tử. Hình thức đánh bạc máy trò chơi điện tử bóng xanh - đỏ - vàng được thực hiện như sau: máy trò chơi điện tử bóng xanh - đỏ - vàng có tám tài khoản tương ứng với 08 vị trí ngồi để cho người chơi tham gia chơi. Khi người chơi có nhu cầu đánh bạc sẽ đến gặp Trần Thị Nh để mua điểm với giá 1.000đ/1điểm. Sau khi đã có điểm người chơi có thể tham gia đánh bạc bằng cách đặt cược điểm vào một trong ba ô là xanh, đỏ hoặc vàng. Khi người chơi cược điểm xong, máy sẽ cho ra một quả bóng hình tròn có màu xanh, đỏ hoặc vàng. Nếu quả bóng là màu gì thì người chơi cược vào ô màu tương ứng sẽ thắng.

Quá trình tham gia đánh bạc thì H3 thắng được 1170 điểm tương ứng với số tiền 1.170.000 đồng, Kh thua còn 785 điểm tương ứng với số tiền 785.000 đồng, Ngó thua còn 680 điểm tương ứng với số tiền 680.000 đồng, Công thắng được 900 điểm tương ứng với số tiền 900.000 đồng, K thắng được 2002 điểm tương ứng với số tiền 2.002.000 đồng, V thắng được 1.985 điểm tương ứng với số tiền 1.985.000 đồng và yêu cầu rút 700 điểm tương ứng với số tiền 700.000 đồng. Khi Nh đang trả số tiền 700.000 đồng vừa đổi điểm cho Văn thì bị lực lượng Công an thị xã Phổ Yên phát hiện, lập biên bản thu giữ vật chứng gồm: 8.000.000 đồng, tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trong đó có 700.000 đồng là tiền Nh trả tiền đổi điểm cho Nguyễn Công V và 7.300.000 đồng là tiền Nh sử dụng để trả tiền cho những người chơi khác khi có nhu cầu đổi điểm),

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 100/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trịnh Văn H,

Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh, Ngô Văn Kh, Nguyễn Văn C, Nguyễn Công V, Nguyễn Văn Ng, Vũ Văn K, Mai Quang H3 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L, Nh, K, H3. Xử phạt các bị cáo:

- Trịnh Văn H (tên gọi khác: T) 12 tháng tù; Ngô Văn Kh (tên gọi khác: Thông) 08 tháng tù. Nguyễn Thị L 09 tháng tù. Trần Thị Nh 09 tháng tù; Vũ Văn K 06 tháng tù; Mai Quang H3 06 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày các bị cáo đi thi hành án.

Bản án cũng xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn C; Nguyễn Công V; Nguyễn Văn Ng mỗi bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; buộc các bị cáo Trịnh Văn H (T); Nguyễn Thị L; Trần Thị Nh phải truy nộp số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 28/7/2019 bị cáo Nguyễn Thị L có đơn xin được hưởng án treo; ngày 29/7/2019 bị cáo Vũ Văn K kháng cáo xin mức hình phạt nhẹ nhất, sau đó bị cáo có đơn xin hưởng hình phạt tiền; bị cáo Trịnh Văn H, Trần Thị Nh kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo Mai Quang H3 kháng cáo xin được hưởng án treo sau đó có đơn bổ sung kháng cáo xin áp dụng hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc hưởng án treo; ngày 05/8/2019 bị cáo Ngô Văn Kh (Th) kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trịnh Văn H và Ngô Văn Kh xin rút kháng cáo; các bị cáo L, Nh, H3, K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc rút kháng cáo của các bị cáo Trịnh Văn H, Ngô Văn Kh, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 2 bị cáo; Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: sửa bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh, Vũ Văn K, Mai Quang H3; Đề nghị giữ nguyên mức án và cho hưởng án treo đối với 2 bị cáo Nguyễn Thị L và Trần Thị Nh; Đề nghị xử phạt Vũ Văn K và Mai Quang Huy mỗi bị cáo từ 20 đến 30 triệu đồng.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng án treo. Các bị cáo Vũ Văn K và Mai Quang H3 xin hưởng hình phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trịnh Văn H, Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh, Ngô Văn Kh, Vũ Văn K, Mai Quang H3 được làm

trong hạn luật định là hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trịnh Văn H và Ngô Văn Kh xin rút kháng cáo. Hội đồng xét xử chỉ xét xử theo đơn kháng cáo các bị cáo: L, Nh, H3, K.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh, Vũ Văn K, Mai Quang H3 tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 15 giờ 30 ngày 25/01/2019, tổ công tác của công an thị xã Phổ Yên trong khi làm nhiệm vụ phát hiện tại quán Bi-a Khánh Ngọc, thuộc tổ dân phố AB, phường ĐT, thị xã PY bắt quả tang các bị cáo tham gia đánh bạc cá cược dưới hình thức được thua bằng tiền trên máy chơi trò chơi điện tử bóng xanh - đỏ - vàng gồm: Trần Thị Nh (là người trực tiếp quản lý máy chơi) và các bị cáo trực tiếp chơi bạc gồm: Ngô Văn Kh (tức Th), Mai Quang H3, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Công V, Nguyễn Văn C và Vũ Văn K. Bị cáo Trịnh Văn H, Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng H là người khởi xướng, là người có máy để sử dụng làm phương tiện đánh bạc. H thuê Trần Thị Nh quản lý để tổ chức cho những người chơi tham gia đánh bạc, L là người cho H thuê nơi đặt máy với giá 5.000.000đ/tháng và được chia 15% lợi nhuận thu được. Tổng số tiền thu được của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.000.000đ.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trịnh Văn H, Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh, Ngô Văn Kh, Vũ Văn K, Mai Quang H3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của 2 bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo Nh là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, chỉ là người làm thuê cho bị cáo H, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như án sơ thẩm đã áp dụng; Đối với bị cáo L chỉ là người cho bị cáo H thuê nơi đặt máy với giá thuê là 5.000.000đ/tháng và được hưởng 15% số tiền lãi. Theo nhận thức của bị cáo khi cho thuê đặt máy, bị cáo chỉ suy nghĩ giản đơn đó là trò vui chơi có thưởng, sau khi được cơ quan pháp luật phân tích, giải thích bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội nên đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đó là các tình tiết giảm nhẹ bản án sơ thẩm đã áp dụng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự giác nộp số tiền phạt bổ sung, tiền truy thu và án phí, theo hướng dẫn tại văn bản số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao nên bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, tuy đây là vụ án đánh bạc nhưng khác với các vụ án đánh bạc khác như đánh sóc đĩa, đánh sâm, đánh 3 cây hoặc các hình thức đánh bạc khác, các bị cáo đều nhận thức đó là trò vui chơi có thưởng

thường diễn ra ở các lễ hội nên có căn cứ xác định tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội ở mức thấp hơn các vụ án khác. Xem xét toàn diện vụ án, có căn cứ áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự để giữ nguyên mức án và chuyển treo cho 2 bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật để bị cáo có điều kiện tự cải tạo tốt, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo, cải tạo không giam giữ và xin phạt tiền của bị cáo Mai Quang H3 và kháng cáo xin giảm án và xin phạt tiền của bị cáo Vũ Văn K, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, 2 bị cáo giữ vai trò cuối vụ. Các bị cáo khi chơi chỉ nghĩ rằng đó là trò vui chơi có thưởng, sau khi được cơ quan pháp luật phân tích, giải thích cả 2 bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội nên đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đó là các tình tiết giảm nhẹ bản án sơ thẩm đã áp dụng. Sau khi xét xử sơ thẩm, hai bị cáo đã tự giác nộp số tiền phạt bổ sung và án phí; các bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị cho hưởng hình phạt tiền. Căn cứ các quy định của pháp luật xét thấy cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

[5] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Thị L, Vũ Văn K, Mai Quang H3 đã nộp các khoản tiền theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Trịnh Văn H và Ngô Văn Kh Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh, Vũ Văn K và Mai Quang H3 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc rút kháng cáo của các bị cáo Trịnh Văn H (tên gọi khác: T), Ngô Văn Kh (tên gọi khác: Ngô Văn Thông). Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với hai bị cáo. Bản án sơ thẩm số 100/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đối với 2 bị cáo Trịnh Văn H, Ngô Văn Kh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 10/10/2019.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh, sửa bản án sơ thẩm số 100/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đối với 2 bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn K, Mai Quang H3, sửa bản án sơ thẩm số 100/2019/HS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đối với 2 bị cáo.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh, Vũ Văn K, Mai Quang H3 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Nh 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân phường PC, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Thị Nh cho Ủy ban nhân dân xã HH, huyện VB, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Vũ Văn K 25 (hai mươi lăm) triệu đồng; Xử phạt Mai Quang Huy 20 (hai mươi) triệu đồng.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Các bị cáo Vũ Văn K và Mai Quang H3 phải nộp khoản tiền nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Thị L đã nộp 20.200.000đ là tiền truy thu, tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0006605 ngày 19/9/2019; Vũ Văn K nộp 10.200.000đ là tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0006609 ngày 25/9/2019; Mai Quang H3 nộp 10.200.000đ là tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0006613 ngày 08/10/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Các bị cáo Trịnh Văn H (T), Ngô Văn Kh (Th), Nguyễn Thị L, Trần Thị Nh, Vũ Văn K và Mai Quang H3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND, VKSND TX Phổ Yên;
- THADS TX Phổ Yên;
- THA phạt tù;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Trần Khánh Hồng